

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HS-ST
Ngày 21/3/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Biểu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chiếm và ông Đào Ngọc Khải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thủy Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2019, đối với bị cáo:

Trần Văn N, sinh năm 1999; Nơi cư trú: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S và bà Đinh Thị L; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/11/2018, tạm giam ngày 18/11/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. *(có mặt)*.

*** Người làm chứng:**

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1995. Trú tại: thôn D, xã E, thành phố G, tỉnh Hưng Yên. *(vắng mặt)*.

- Anh Chu Văn Q, sinh năm 1983. Trú tại: đường H, phường Lê Lợi, thành phố G, tỉnh Hưng Yên. *(vắng mặt)*.

- Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1958. Trú tại: Phố I, phường K, thành phố G, tỉnh Hưng Yên. *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 20 phút ngày 15/11/2018, tại khu vực cổng Bệnh viện Đa khoa, tỉnh Hưng Yên thuộc đường N, phường K, thành phố G, tỉnh Hưng Yên. Công an tỉnh Hưng Yên, tiến hành kiểm tra xe mô tô BKS 34L9-4170 do Trần Văn N điều khiển thu giữ tại cốp xe của N: Một túi nilon bên trong có: 03 túi nilon kích thước (2x2)cm có viền màu xanh bên trong các túi này chứa chất tinh thể dạng bột và cục; 03 túi nilon kích thước (2,5x2,5)cm có viền màu xanh bên trong các túi này chứa chất tinh thể dạng bột và cục; 02 túi nilon kích thước (3x3)cm có viền màu xanh bên trong chứa chất tinh thể dạng bột và cục; 01 túi nilon kích thước (6,5x4)cm bên trong có 03 viên nén màu xanh nõn chuối một mặt có chữ EA7; 01 túi chứa viên nén màu xanh lá cây; 01 túi nilon kích thước (6,5x4)cm bên trong có chứa 06 viên nén màu đỏ một mặt có chữ WY, được đưa vào phong bì thư đánh số ký hiệu M. Tiến hành khám xét nơi của N không thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Tại bản kết luận giám định số 361/PC 09 ngày 22/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận:

- Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng dạng cục bột được ký hiệu số 01 trong niêm phong ghi M có tổng khối lượng 3,145 gam là ma túy loại MDMA.

- Mẫu chất dạng viên nén màu xanh lục được ký hiệu số 02 trong niêm phong ghi M có tổng khối lượng 0,098 gam không phải là ma túy.

- Mẫu chất dạng viên nén màu đỏ được ký hiệu số 03 trong niêm phong ghi M có tổng khối lượng 0,622 gam là ma túy loại Methaphetamin.

- Mẫu chất dạng viên nén màu xanh nõn chuối được ký hiệu số 04 trong niêm phong ghi M có tổng khối lượng 1,194 gam là ma túy loại MDMA.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ Trần Văn N khai nhận: Khoảng 06 giờ ngày 15/11/2018, N mua của Chu Văn Q, sinh năm 1983 ở số nhà 303 đường M, phường O, thành phố G với số tiền là 2.500.000 đồng, mục đích để sử dụng và để bán kiếm lời. Khi đi mua ma túy N mang theo người 2.300.000 đồng, do không đủ tiền N xin Q cho nợ tiền và mượn của Q chiếc xe mô tô BKS 34L9 - 4170 để đi lại. N cất số ma túy vừa mua được trong cốp xe máy rồi đi tìm nhà thuê trọ. Đến khoảng 09 giờ 20 phút cùng ngày, N đi đến khu vực cổng Bệnh viện Đa Khoa thuộc đường N, phường K, thành phố G, tỉnh Hưng Yên gặp bạn là Trần Văn T để trả lại chìa khóa và vé xe máy thì bị phát hiện bắt giữ.

Đối với Chu Văn Q: Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Q không phát hiện thu giữ gì. Quá trình điều tra Q không thừa nhận đã bán ma túy cho N, chỉ thừa nhận sáng ngày 15/11/2018 khi Q đang ở nhà bố mẹ thì N gọi điện thoại hỏi mượn xe, Q đồng ý rồi mang xe mô tô BKS 34L9- 4170 đến số 303 đường M, phường O, thành phố G để cho N mượn, ngoài ra không trao đổi việc gì khác.

Đối với Trần Văn T, tại cơ quan điều tra T khai là bạn của Trần Văn N, không biết N mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 15/11/2018, T hẹn gặp N ở cổng Bệnh viện đa khoa thuộc đường N, phường K, thành phố Hưng Yên để lấy

chìa khóa và vé gửi xe T gửi N thì chứng kiến việc khám xét, thu giữ ma túy của Trần Văn N.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS-P1 ngày 29/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Trần Văn N về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Văn N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải về hành vi của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm 06 tháng tù; Không phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo 02 chiếc điện thoại di động và số tiền 2.300.000 đồng; tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Hưng Yên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trước cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ đó là: Biên bản bắt người phạm tội quả tang Trần Văn N ngày 15/11/2018; biên bản niêm phong đồ vật thu giữ; kết luận giám định số 361/PC09 ngày 22/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên, đã kết luận: Các mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại MDMA và Methamphetamine có tổng khối lượng 4,961 gam; phù hợp lời khai của những người làm chứng là ông Nguyễn Đức B, anh Trần Văn T, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Đủ căn cứ kết luận: Khoảng 09 giờ 20 phút ngày 15/11/2018 tại khu vực cổng Bệnh viện Đa khoa, thuộc đường N, phường K, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Trần Văn N đang tàng trữ trái phép 4,961 gam MDMA và Methamphetamine với mục đích để sử dụng và bán lại kiếm lời thì bị bắt quả tang.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của Trần Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với lời khai của bị cáo N cho rằng khối lượng ma túy thu giữ của bị cáo là do bị cáo mua của Chu Văn Q. Tuy nhiên, Q không thừa nhận, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh Q bán ma túy cho N. Do vậy, không có căn cứ để xem xét xử lý đối với Chu Văn Q.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với ma túy và các chất gây nghiện; gây mất trật tự trị an xã hội và sự bất bình trong dư luận nhân dân tại địa phương; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm nghiêm trọng khác. Bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, bị cáo biết rất rõ tác hại của ma túy cũng như hậu quả và hệ lụy hết sức nặng nề của việc sử dụng chất ma túy để lại đối với trí lực, thể lực của con người cũng như kinh tế của chính gia đình, bản thân người nghiện và xã hội. Nhưng do lối sống buông thả, lười lao động dẫn đến mắc nghiện và để có tiền mua ma túy sử dụng bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần xét xử vụ án nghiêm minh, giành cho bị cáo một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đồng thời tiếp tục cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản gì lớn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động và số tiền 2.300.000đ thu giữ của bị cáo. Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với số ma túy là MDMA và Methamphetamine hoàn lại sau giám định là hàng cấm tàng trữ, lưu hành, nên tịch thu cho tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 3; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn N phạm Tội mua bán trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/11/2018.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo Trần Văn N: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen xám, bên trong có 01 sim Viettel; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 màu đen đã cũ, bên trong có 01 sim Vinaphone và số tiền 2.300.000đ (*hai triệu ba trăm nghìn đồng*).

- Tịch thu, cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định trong 01 hộp niêm phong số 361 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hưng Yên.

(Số lượng, chủng loại, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo quyết định chuyển vật chứng số 06/QĐ-VKS-P1 ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn N phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- PC01- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV, Công an tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Biểu